

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG  
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Dương Thị Phụng

2. Ông Nguyễn Văn Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị T1 Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:***  
không tham gia.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Thúy L, sinh năm 1969. Địa chỉ: 92, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

- *Bị đơn:* ông Phạm Minh T, sinh năm 1969. Cùng địa chỉ với nguyên đơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2020, Biên bản hòa giải ngày 05/01/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Lê Thị Thúy L trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông T xây dựng hôn nhân trên cơ sở mai mối, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/1994 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương, chăm sóc giúp đỡ nhau như trước, ông T có người phụ nữ khác từ năm 2015 và thường xuyên vắng nhà. Bà xác định giữa bà và ông T không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau, cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, nên bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

2. Về con chung: bà L và ông T có 01 con chung tên Phạm Lê Thanh T1, sinh ngày 26/4/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: bà L trình bày bà và ông T không có tài sản chung, không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về căn nhà số 92, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long gắn liền quyền sử dụng đất là tài sản riêng của con gái ông, bà. Hiện do bà L và con là Thanh T1 quản lý. Nguồn gốc là của ông Phạm Minh T đứng tên. Đến năm 2013, ông T vay tiền của ông Nguyễn Minh N nhưng làm hợp đồng giả cách là chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thực chất thì bà L vẫn quản lý sử dụng nhà, đất. Khi bà L phát hiện việc vay tiền giữa ông T và ông N thì bà L khởi kiện. Tòa án đã xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật, bản án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trả lại đất cho ông T. Ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 254564 ngày 25/9/2020, thửa số 78, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.096,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Đến ngày 27/10/2020, ông T tặng cho con là Phạm Lê Thanh T1, sinh năm 1995 (chỉnh lý mặt ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) toàn bộ quyền sử dụng đất gắn liền căn nhà cấp 4. Việc ông T tặng cho nhà và đất cho Thanh T1, bà L hoàn toàn thống nhất, không ngăn cản.

Bà và chị T1 đã xuất tiền ra trả nợ thay cho ông T 775.000.000đ (trả cho ông N tại thi hành án), nên ông T được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất sau đó tặng cho T1 như nêu trên. Bà L khẳng định bà và ông T không có bất cứ tài sản chung nào khác, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Biên bản hòa giải ngày 05/01/2021, Bị đơn ông Phạm Minh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, nghề nghiệp của ông là thợ hồ, công trình làm ở đâu thì ông sinh sống ở đó, ít về nhà. Ông có quen người phụ nữ khác nhưng chỉ quen vài tháng thì chấm dứt không còn quen ai nữa cho đến nay.

- Về tài sản chung: vợ chồng ông có tài sản chung là thửa đất số 78, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.096,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, hiện do con gái là Thanh T1 đứng tên. Nguồn gốc thửa đất nêu trên ông được cha ruột là ông Phạm Văn Thượng tặng cho từ năm 1995 nhưng đến năm 2012 mới làm thủ tục tặng cho. Cụ thể: Năm 1994 ông kết hôn với bà L. Năm 1995, ông với bà L cất một căn nhà nhỏ trên phần đất này, đến năm 2012 ông Thượng làm thủ tục

tặng cho ông quyền sử dụng phần đất nêu trên, ông T kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012, vợ chồng ông cất nhà mới cũng trên nền nhà cũ.

Ông có vay tiền của ông N, có thể chấp nhà đất là thửa đất số 78, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.096,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, bà L và Thanh T1 là người xuất tiền ra trả cho ông N đúng như lời trình bày của bà L.

Đến ngày 27/10/2020, ông T lập hợp đồng tặng cho con gái là Phạm Lê Thanh T1, đúng như lời trình bày của bà L, nhưng hiện nay ngoài nhà và đất này ông hoàn toàn không còn tài sản nào khác, nếu vợ chồng phải ly hôn thì ông yêu cầu bà L phải chia cho ông một phần nhưng cụ thể bao nhiêu thì ông sẽ yêu cầu bằng văn bản gửi cho Tòa án sau.

- Về con chung, nợ chung: ông T thống nhất theo lời trình bày của bà L, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà L trình bày: bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu được ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, ông T gây nợ nhiều lần, bà không còn niềm tin và tình cảm với ông T, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau; con chung Phạm Lê Thanh T1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Minh T vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh T, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T cư trú tại thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Đối với bị đơn Phạm Minh T đã được triệu tập đến dự phiên tòa hợp lệ hai lần: phiên tòa lần 01 vào ngày 05/5/2021; **Phiên tòa lần 02 vào ngày 28/5/2021** nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do nên xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà L và ông T kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/1994 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/01/2021, ông T thừa nhận ông có quen người phụ nữ khác như lời trình bày của bà L, ông T cũng trình bày nghề nghiệp của ông là thợ hồ, sống theo công trình ít khi về nhà. Bà L xác định giữa bà và ông T không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy, bà L và ông T mỗi người sống một nơi, vợ **chồng không thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người đó, nên đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được; mỗi người có cuộc sống riêng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông T** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: bà L và ông T có 01 con chung tên Phạm Lê Thanh T1, sinh ngày 26/4/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: nguyên đơn bà L trình bày: bà và ông T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng tại biên bản hòa giải ngày 05/01/2021, bị đơn ông T yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 78, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.096,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, hiện do con gái là Thanh T1 đứng tên. Xét thấy, đối với lời trình bày của ông T, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ tổng đạt cho ông T hai lần: lần 01 vào ngày 05/01/2021 ông T trực tiếp nhận, lần 02 ngày 16/3/2021 tổng đạt hợp lệ cho ông T bằng hình thức niêm yết nhưng hết thời hạn ấn định, ông T vẫn không làm Đơn yêu cầu chia tài sản chung (thủ tục phản tố) và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông, do đó không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông T trong vụ án này, dành cho ông T một vụ kiện khác khi có yêu cầu chia tài sản chung.

[2.4] Về nợ chung: bà L và ông T đều trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thúy L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0005899 ngày 04/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Lê Thị Thúy L với ông Phạm Minh T.

2. Về nuôi con chung: bà Lê Thị Thúy L và ông Phạm Minh T có 01 con chung tên Phạm Lê Thanh T1, sinh ngày 26/4/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

3. Về chia tài sản chung: bà Lê Thị Thúy L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Dành cho ông Phạm Minh T một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: bà Lê Thị Thúy L và ông Phạm Minh T đều trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thúy L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0005899 ngày 04/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND xã Bình Đông, Gò Công Đông, TG;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Mỹ Thuận**





